

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 260/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Kế hoạch vay, trả nợ công năm 2024 và  
Chương trình quản lý nợ công 03 năm giai đoạn 2024 - 2026**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội số 104/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ về hạn mức bảo lãnh Chính phủ và hạn mức vay về cho vay lại năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ Tài chính tại Tờ trình số 294/TTr-QLN, Tờ trình số 295/TTr-QLN ngày 29 tháng 12 năm 2023 và văn bản số 2609/BTC-QLN ngày 15 tháng 3 năm 2024 về Kế hoạch vay, trả nợ công năm 2024 và Chương trình quản lý nợ công 03 năm giai đoạn 2024 - 2026.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch vay, trả nợ công năm 2024 và Chương trình quản lý nợ công 03 năm giai đoạn 2024 - 2026 với nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu:

a) Đảm bảo nguồn để trả nợ đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ công, không ảnh hưởng đến hệ số tín nhiệm quốc gia; tiếp tục thực hiện tái cơ cấu danh mục nợ trái phiếu Chính phủ phù hợp với điều kiện thị trường và nhu cầu triển khai.

b) Đảm bảo nhiệm vụ huy động vốn vay thông qua đa dạng hóa nguồn vốn và phương thức vay trong và ngoài nước để đáp ứng nhu cầu cân đối ngân sách nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội với mức độ chi phí - rủi ro phù hợp, tập trung ưu tiên huy động vốn nước ngoài cho các dự án lớn, quan trọng có tính chất xoay chuyển tình thế, chuyển đổi trạng thái.

c) Kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu an toàn nợ trong mức trần, ngưỡng cảnh báo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Thúc đẩy phát triển thị trường vốn trong nước; tận dụng tối đa nguồn vốn vay ưu đãi nước ngoài.

## 2. Kế hoạch vay, trả nợ công năm 2024:

a) Kế hoạch vay của Chính phủ tối đa 676.057 tỷ đồng, gồm:

- Vay cho cân đối ngân sách trung ương tối đa 659.934 tỷ đồng, trong đó vay bù đắp bội chi ngân sách trung ương tối đa là 372.900 tỷ đồng, vay để trả nợ gốc không quá 287.034 tỷ đồng.

- Vay về cho vay lại: khoảng 16.123 tỷ đồng.

Nguồn huy động linh hoạt từ các công cụ (i) phát hành trái phiếu Chính phủ (ii) vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài; và (iii) trong trường hợp cần thiết, vay từ các nguồn tài chính hợp pháp khác.

b) Trả nợ của Chính phủ khoảng 453.990 tỷ đồng, trong đó trả nợ trực tiếp của Chính phủ không quá 395.874 tỷ đồng, trả nợ của các dự án cho vay lại khoảng 58.116 tỷ đồng.

c) Về vay được Chính phủ bảo lãnh:

- Mức bảo lãnh phát hành trái phiếu đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam tối đa 1.160 tỷ đồng, bằng mức trả nợ gốc trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh đến hạn trong năm 2024. Đối với Ngân hàng Chính sách xã hội: Không phát hành trái phiếu Chính phủ bảo lãnh trong năm 2024.

Mức bảo lãnh phát hành trái phiếu cụ thể đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam được xác định trên cơ sở Bộ Tài chính thẩm định hồ sơ đề nghị phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo quy định tại Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ.

- Đối với bảo lãnh cho doanh nghiệp vay trong nước và ngoài nước, không bố trí hạn mức bảo lãnh Chính phủ năm 2024 do các dự án không có nhu cầu rút vốn, chỉ trả nợ.

d) Kế hoạch vay, trả nợ của chính quyền địa phương:

- Vay từ nguồn vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ và các nguồn vay khác khoảng 30.619 tỷ đồng.



- Trả nợ của chính quyền địa phương khoảng 6.993 tỷ đồng, gồm chi trả gốc khoảng 4.119 tỷ đồng và chi trả lãi khoảng 2.874 tỷ đồng.

3. Vay thương mại nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh năm 2024: Hạn mức vay thương mại nước ngoài trung, dài hạn của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng theo phương thức tự vay, tự trả khoảng 6.599 triệu USD; tốc độ tăng dư nợ nước ngoài ngắn hạn khoảng 18 - 20% so với dư nợ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023.

4. Kế hoạch vay, trả nợ năm 2024 thực hiện trong các mức tối đa nêu tại khoản 2 và 3 Điều này; trường hợp phát sinh nhu cầu vượt mức tối đa nêu trên, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh kế hoạch.

5. Chương trình quản lý nợ công 03 năm giai đoạn 2024 - 2026:

a) Về vay, trả nợ của Chính phủ

- Tổng mức vay của Chính phủ giai đoạn 2024 - 2026 tối đa khoảng 1.862,2 nghìn tỷ đồng, trong đó vay cho ngân sách trung ương khoảng 1.818,3 nghìn tỷ đồng, vay về cho vay lại khoảng 43,9 nghìn tỷ đồng.

- Tổng trả nợ của Chính phủ giai đoạn 2024 - 2026 tối đa 1.102,8 nghìn tỷ đồng, trong đó trả nợ trực tiếp khoảng 976,4 nghìn tỷ đồng, trả nợ vay lại khoảng 126,4 nghìn tỷ đồng.

- Chủ động bố trí nguồn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ, không để xảy ra tình trạng nợ quá hạn, làm ảnh hưởng đến các cam kết quốc tế của Chính phủ.

b) Về hạn mức bảo lãnh Chính phủ

- Đối với bảo lãnh cho 02 ngân hàng chính sách phát hành trái phiếu: mức bảo lãnh cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong giai đoạn 2024 - 2026 tối đa 8.620 tỷ đồng, mức bảo lãnh cho Ngân hàng Chính sách xã hội trong giai đoạn 2024 - 2026 tối đa 11.590 tỷ đồng; bằng nghĩa vụ trả nợ gốc trái phiếu Chính phủ bảo lãnh đến hạn trong giai đoạn 2024 - 2026.

- Quán triệt mục tiêu kiểm soát chặt chẽ cấp bảo lãnh Chính phủ cho các khoản vay trong phạm vi hạn mức bảo lãnh được cấp có thẩm quyền phê duyệt; mức rút vốn không vượt quá nghĩa vụ trả nợ gốc trong năm.

c) Về vay, trả nợ của chính quyền địa phương: khống chế hạn mức bội chi và nợ của chính quyền địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù của một số địa phương và Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025.



## 6. Tổ chức thực hiện:

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- Quán triệt quan điểm, đường lối, tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến tài chính ngân sách và nợ công tại Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 13 của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025, Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Bộ Chính trị về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững, Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025.

- Đối với các khoản vay nước ngoài của Chính phủ cho chương trình, dự án, giao các bộ, cơ quan trung ương và địa phương khẩn trương phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách trung ương năm 2024 chi tiết theo danh mục, mức vốn bố trí của từng dự án theo thời hạn quy định tại Luật Đầu tư công; các dự án mới vay nước ngoài tập trung ưu tiên cho các dự án quan trọng có tính chất xoay chuyển tình thế, chuyển đổi trạng thái; khắc phục các tồn tại liên quan đến giải ngân chậm các dự án sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi.

- Thực hiện quản lý nhà nước, theo dõi, kiểm tra, giám sát, thanh tra, báo cáo và cung cấp thông tin về nợ công, nợ Chính phủ, nợ chính quyền địa phương theo quy định.

## b) Bộ Tài chính:

- Kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách nhà nước, bội chi ngân sách địa phương và mức vay nợ của ngân sách địa phương, tỷ lệ nghĩa vụ trả nợ của Chính phủ.

- Nghiên cứu các phương thức huy động vốn vay mới, đảm bảo huy động đủ vốn vay cho đầu tư phát triển, đáp ứng các dự án lớn về hạ tầng giao thông, chống biến đổi khí hậu, cam kết phát thải ròng về 0, chuyển đổi số đồng thời kiểm soát nợ công, nợ nước ngoài quốc gia trong giới hạn trần, ngưỡng cảnh báo giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn tiếp theo.

- Báo cáo cấp có thẩm quyền ưu tiên bố trí một phần tăng thu ngân sách hàng năm (nếu có) để giảm bội chi và trả nợ gốc vay ngân sách nhà nước, qua đó giảm gánh nặng nợ, giảm áp lực trả nợ trực tiếp của Chính phủ trong trung và dài hạn.

- Chủ động điều hành khối lượng phát hành trái phiếu Chính phủ theo nhu cầu và khả năng hấp thụ của thị trường, đảm bảo đáp ứng nhu cầu vốn của ngân sách trung ương với lãi suất phù hợp điều kiện thị trường. Phát hành đa dạng các loại kỳ hạn trái phiếu Chính phủ, đảm bảo kỳ hạn phát hành trái phiếu Chính phủ bình quân theo mục tiêu đề ra của Quốc hội.

- Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt mức bảo lãnh phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh cụ thể cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam năm 2024 căn cứ quy định tại Nghị định số 91/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ, Quyết định này và đề án phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

- Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc sử dụng vốn vay và trả nợ.

- Nâng cao hiệu quả và tăng cường năng lực quản lý nợ công theo quy định của Luật Quản lý nợ công năm 2017, trong đó tập trung hình thành cơ quan quản lý nợ công chuyên nghiệp, hiện đại theo thông lệ quốc tế theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị; nâng cao trình độ công chức làm công tác quản lý nợ.

- Tiếp tục tăng cường các hoạt động tiếp xúc, quảng bá với nhà đầu tư trên thị trường vốn quốc tế và trong nước, cải thiện hiệu quả công tác đánh giá hệ số tín nhiệm quốc gia, hướng tới mục tiêu đến năm 2030 đạt mức xếp hạng Đầu tư, góp phần củng cố vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, tạo thuận lợi trong việc huy động vốn của các thành phần kinh tế.

c) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

- Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện hạn mức nợ nước ngoài tự vay tự trả của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh, bảo đảm trong hạn mức được phê duyệt.

- Chủ trì quản lý nợ nước ngoài của khu vực tư nhân và chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp diễn biến tiêu cực.

7. Kinh phí triển khai thực hiện Chương trình quản lý nợ công 03 năm 2024 - 2026 lấy từ:

a) Nguồn kinh phí triển khai chương trình, nhiệm vụ được bố trí từ ngân sách nhà nước, huy động từ các nguồn vốn tài trợ nước ngoài và nguồn phí được sử dụng từ phí quản lý cho vay lại và phần trích phí bảo lãnh theo quy định của Luật Quản lý nợ công, Nghị định số 91/2018/NĐ-CP về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ, Nghị định số 94/2018/NĐ-CP về nghiệp vụ quản lý nợ công.

b) Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp, cân đối vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm để triển khai thực hiện Chương trình.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.



**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội, Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Phát triển Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ: QHQT, CN, NN, KGVX, PL, TH, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



*Lê Minh Khái*

---

**Lê Minh Khái**